**PHẦN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

#### Văn bản 1. NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÔ ĐỘC GIỮA RỪNG

**(Trích tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam*)**

#### (Đoàn Giỏi)

*Thời gian thực hiện: 03 (Tiết 5,6,7)*

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU** *[dự kiến thời gian: 5 phút]*

1. **Mục tiêu:** Kết nối**,** tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
2. **Nội dung:** HS quan sát, lắng nghe video nhạc phim và chia sẻ cảm xúc.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề gợi ra từ bài hát.

#### Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 1-> 6)**

* Giáo viên chiếu video phim: "*Đất rừng phương Nam*" của đạo diễn Nguyễn Trung Dũng trên cơ sở nhạc nền là lời bài hát "*Bài ca đất phương Nam*" của Đình Phước. Yêu cầu HS quan sát, lắng nghe và nêu suy nghĩ cảm xúc của bản thân.
* *Lời bài hát cùng các hình ảnh gợi cho em những cảm xúc suy nghĩ gì về mảnh đất con người phương Nam?*

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ :

* HS xem, suy nghĩ, trả lời.

#### Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

* Học sinh báo cáo chia sẻ suy nghĩ
* Học sinh khác bổ sung ý kiến.

#### Bước 4: Kết luận, nhận định:

* HS đánh giá câu trả lời của bạn.
* Giáo viên đánh giá cảm nhận, suy nghĩ của học sinh.
* GV dẫn dắt kết nối vào bài**:** *Đoạn phim đưa ta đến với mảnh đất phương Nam tình người nơi có dòng Cửu Long giang soi hình trời xanh, mây trắng, có những rừng tràm, những rặng dừa xanh. Hơn thế nữa, tới nơi đây, ta được đến những dấu chân của người xưa mở đất. Và vẻ đẹp của vùng đất phương Nam, con người nơi đây sẽ hiện lên sinh động trong trang viết của nhà văn Đoàn Giỏi qua đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng”.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** *[dự kiến thời gian 110 phút]*

**Nội dung 1: Tìm hiểu kiến thức ngữ văn *[****dự kiến thời gian 10 phút]*

1. **Mục tiêu:** Khơi gợi tri thức nền để HS vận dụng hiệu quả trong quá trình đọc hiểu
2. **Nội dung:** Qua hệ thống câu hỏi vấn đáp HS thể hiện hiểu biết cá nhân về tri thức nền về truyện ngắn, tiểu thuyết (tính cách nhân vật, bối cảnh, ngôi kể và tác dụng của việc thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ các vùng miền..).
   1. *Em hiểu thế nào là truyện ngắn, tiểu thuyết? Kể tên các truyện ngắn, tiểu thuyết mà em biết.*
   2. *Cho biết cách tác giả làm bật đặc điểm của nhân vật trong truyện ngắn và tiểu thuyết.*
   3. *Nêu đặc điểm bối cảnh trong truyện, tiểu thuyết, cho ví dụ minh họa.*
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời hoàn thiện phiếu học tập của HS

#### Tổ chức thực hiện:

**Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm, cách thể hiện nhân vật bối cảnh trong truyện ngắn, tiểu thuyết.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập** (slide 7,8,9,10)

* GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi tìm hiểu về truyện ngắn, tiểu thuyết qua việc hoàn thành phiếu học tập số 1 trả lời các câu hỏi:

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý

#### Bước 3: Báo cáo , thảo luận

* Đại điện các cặp đôi lần lượt trả lời các câu hỏi dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trả lời.
* Các cặp đôi khác bổ sung.

#### Bước 4: Kết luận, nhận định

* Học sinh đánh giá bạn theo đáp án phiếu HT 1 và tự bổ sung vào phiếu cá nhân.
* GV nhận xét chuẩn kiến thức qua ví dụ về tính cách nhân vật và bối cảnh ở một số văn bản truyện ngắn, tiểu thuyết

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 TÌM HIỂU KIẾN THỨC NGỮ VĂN** | | |
| **Kiến thức cần**  **tìm hiểu** | **Truyện ngắn** | **Tiểu thuyết** |
| **1. Khái niệm:** | * Truyện ngắn là tác phẩm văn xuôi cỡ nhỏ, ít nhân vật, ít sự việc phức tạp... Chi tiết và lời văn trong truyện ngắn rất cô đọng. * Ví dụ :*Bức tranh của em gái tôi* (Tạ Duy Anh); *Điều không tính trước* (Nguyễn Nhật Ánh); *Chích Bông ơi* (Cao Duy Sơn). | * Tiểu thuyết là tác phẩm văn xuôi cỡ lớn, có nội dung phong phú, cốt truyện phức tạp, phản ánh nhiều sự kiện, cảnh ngộ, miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chồng chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng. * Ví dụ : *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố);   *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi)  . |
| **2. Cách tác giả làm nổi bật đặc điểm của nhân vật:** | Hình dáng, cử chỉ, hành động, suy nghĩ của nhân vật, qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác. | |
| **3. Nêu đặc điểm bối cảnh trong truyện, tiểu thuyết cho ví dụ minh họa:** | + Bối cảnh lịch sử: Hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử.  + Bối cảnh riêng: Thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện. Ví dụ:  + Bối cảnh lịch sử của câu chuyện "*Buổi học cuối cùng*" - là thời kì sau chiến tranh, hai vùng An-dát và Lo-ren của Pháp bị nhập vào nước Phổ. Các trường học thuộc hai vùng này bị bắt bỏ tiếng Pháp, chuyển sang học tiếng Đức.  + Bối cảnh riêng của câu chuyện là quang cảnh và diễn biến của buổi học tiếng Pháp cuối cùng. | |

#### Truyện ngắn và tiểu thuyết

**\*Truyện ngắn** là tác phẩm văn xuôi cỡ nhỏ, ít nhân vật, ít sự việc phức tạp... Chi tiết và lời văn trong

truyện ngắn rất cô đọng.

Ví dụ :

*-“Bức tranh của em gái tôi”* (Tạ Duy Anh)

-“*Điều không tính trước”* (Nguyễn Nhật Ánh)

-“*Chích Bông ơi”* (Cao Duy Sơn)

**\*Tiểu thuyết:** Là tác phẩm văn xuôi cỡ lớn có nội dung phong phú, cốt truyện phức tạp, phản ánh nhiều sự kiện, cảnh ngộ, miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chồng chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng.

Ví dụ:

* *"Tắt đèn*" (Ngô Tất Tố)
* *"Đất rừng phương Nam* " (Đoàn Giỏi)

#### Tính cách nhân vật, bối cảnh

**\*Tính cách nhân vật:**

Thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, suy nghĩ của nhân vật, qua nhận xét của người kể chuyện

và các nhân vật khác.

#### \*Bối cảnh :

+ Bối cảnh lịch sử: Hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử

+ Bối cảnh riêng: Thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện.

#### Nhiệm vụ 2. Hướng dẫn tìm hiểu tác dụng việc thay đổi ngôi kể trong truyện ngắn, tiểu thuyết. Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 11,12)

- GV sử dụng kĩ thuật động não kết hợp kĩ thuật trình bày 1 phút yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

1. Trong các truyện ngắn đã học, em thấy truyện được kể theo những ngôi kể nào? Nêu yếu tố nhận diện từng ngôi kể và tác dụng của từng ngôi kể.
2. Việc thay đổi ngôi kể có tác dụng gì?

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* + Học sinh suy nghĩ câu hỏi và mạnh dạn phát biểu suy nghĩ cá nhân.
  + Giáo viên khích lệ học sinh bày tỏ ý nghĩ cá nhân của mình.

#### Bước 3: Báo cáo , thảo luận

* + Học sinh bày tỏ suy nghĩ cá nhân câu trả lời. HS khác nghe bổ sung cho bạn.
  + GV góp ý nếu cần.

#### Bước 4: Kết luận, nhận định

* + Giáo viên đánh giá câu trả lời của học sinh và chuẩn xác ý kiến và phân tích thêm cho học sinh qua ví dụ cụ thể về ngôi kể, cách nhận diện và sự thay đổi ngôi kể trong truyện ngắn, tiểu thuyết.

#### Tác dụng của việc thay đổi ngôi kể

* + - **Ngôi kể:**

+ Ngôi thứ nhất: Xưng *tôi.*

+ Ngôi 3: Người kể giấu mặt.

* + - Thay đổi ngôi kể: Để nội dung kể phong phú hơn, cách kể linh hoạt hơn.

Ví dụ: Đoạn trích "*Người đàn ông cô độc giữa rừng*" trích tiểu thuyết "*Đất rừng phương Nam*" -

Đoàn Giỏi.

Phần đầu Đoàn Giỏi, được kể theo lời cậu bé An (ngôi thứ nhất, xưng *tôi*) để kể lại những gì cậu bé

đã chứng kiến khi gặp chú Võ Tòng ỏ căn lều giữa rừng U Minh. Nhưng khi muốn kể về cuộc đời

truân chuyên của Võ Tòng thì tác giả không thể kể theo lời kể của bé An mà chuyển sang ngôi kể thứ

3 ... phần cuối đoạn trích lại về ngôi kể thứ nhất.

#### Nhiệm vụ 3. Học sinh nhận biết đặc điểm ngôn ngữ vùng miền Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 13 ->17)

* + - GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi : "Nhìn hình đoán chữ"

#### Nhiệm vụ:

1. *Quan sát các hình ảnh và gọi tên sự vật phát âm các từ vừa tìm được theo ngôn ngữ các miền :*

*Bắc, Trung, Nam.*

1. *Nhận xét điểm khác biệt về ngôn ngữ vùng miền.Với sự khác biệt đó khi sử dụng từ ngữ địa phương trong văn học và cuộ sống có thuận lợi và khó khăn gì?*

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* + HS thực hiện cá nhân yêu cầu câu hỏi

#### Bước 3: Báo cáo , thảo luận

* + Học sinh bày tỏ suy nghĩ cá nhân câu trả lời. HS khác nghe bổ dung cho bạn
  + GV góp ý nếu cần.

#### Bước 4: Kết luận, nhận định

* + GV hướng dẫn HS đánh giá phần trả lời của bạn theo nội dung đáp án.
  + Giáo viên khắc sâu cho học sinh qua một số ví dụ thơ để các em thấy được cần cân nhắc khi sử dụng từ địa phương trong nói viết.

**Cách thực hiện**: GV chiếu các câu ca dao, câu chuyện vui có từ địa phương yêu cầu học sinh nêu cách hiểu. Trên cơ sở nhận thức, câu trả lời của các em giáo viên giáo dục cho em ý thức việc sử dụng ngôn ngữ vùng miền.

a. Ca dao

* + ngó: *nhìn*
  + quá chừng: *nhiều*
  + bậu: *bạn*
  + kêu: *gọi*
    - *Ngó lên Hòn Kẽm, Đá Dừng Thương cha nhớ mẹ quá chừng bậu ơi!*

(Ca dao)

* + - *Kín như bưng lại kêu là trống Trống hổng trống hoảng lại kêu là buồng.*

(Cao dao)

- *Không cây, không trái, không hoa, Có lá ăn được đố là lá chi?*

(Câu đố)

* + trống hổng trống hoảng: *trống, không có gì che chắn.*
  + trái: *quả*
  + chi: *gì*

=> Nếu lạm dụng việc dùng từ địa phương đôi khi sẽ gây khó hiểu cho người đối thoại nếu người

nghe không cùng địa phương và như vậy ảnh hưởng đến hiệu quả giao tiếp.

#### Ngôn ngữ các vùng miền

* + - Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam, vừa có tính thống nhất cao, vừa có tính đa dạng.

Tính đa dạng của tiếng Việt thể hiện ở các mặt ngữ âm và từ vựng.

#### + Về mặt ngữ âm:

Một từ ngữ có thể được phát âm giống nhau ở các vùng miền khác nhau:

+ **Về mặt từ vựng**: Các vùng miền khác nhau đều có những từ ngữ mang tính địa phương

+ Sử dụng trong văn học phản ánh cách nói của nhân vật, của người dân địa phương nhất định

+ Tạo sắc thái thân mật, gần gũi, phù hợp với bối cảnh mà tác phẩm miêu tả

+ Lạm dụng từ địa phương sẽ gây khó khăn cho người đọc và hạn chế sự phổ biến của tác phẩm.

**Nội dung 2: Đọc - Tìm hiểu chung [***dự kiến thời gian 10 phút]*

#### Mục tiêu:

Học sinh nhận biết được những nét chung về hình thức tác phẩm ra đời trên cơ sở nhận biết: đề tài,

chủ đề, thể loại, nhân vật, ngôi kể, bối cảnh...

#### Nội dung:

Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về tác giả, tác phẩm để thực hiện mục tiêu đề ra.

*? Theo em nên đọc văn bản như thế nào? Hãy đọc đoạn văn bản em yêu thích.*

*? Em hãy chia sẻ ấn tượng ban đầu của mình về văn bản. Chia sẻ các từ mà lần đầu đọc văn bản em*

*thấy khó hiểu và kết quả tìm hiểu của em về các từ ngữ đó.*

GV yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm hoàn thiện phiếu học tập 2.

1. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh, phiếu học tập đã hoàn thiện.

#### Tổ chức thực hiện:

**Nhiệm vụ 1. Hướng dẫn đọc hiểu chung tác giả, tác phẩm Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 18 ->22)**

* + - GV sử dụng kĩ thuật động não yêu cầu học sinh trả lời cá nhân hiểu biết về tác giả tiểu thuyết "Đất rừng phương Nam"

HS1: Giới thiệu hiểu biết của em về nhà văn Đoàn Giỏi trên cơ sở các ý:

* + - Thân thế, cuộc đời.
    - Sự nghiệp sáng tác.

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* + - * HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.
      * HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản.
    - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

#### Bước 3: Báo cáo , thảo luận

* + - * Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi
      * Học sinh khác nghe, phát biểu bổ sung.

#### Bước 4: Kết luận, nhận định

* + - GV đánh giá phần trả lời của HS.
    - Giáo viên chiếu chân dung nhà văn và một số tác phẩm chính của ông và giới thiệu thêm thông tin về tác giả và tiểu thuyết "*Đất rừng phương Nam*"

**II. Tìm hiểu chung**

1. **Tác giả**
   1. **Thân thế, cuộc đời**

* Đoàn Giỏi (1925-1989) quê Tiền Giang, sống chủ yếu ở thành phố Hồ Chí Minh.
* Bút danh: Nguyễn Hoài, Nguyễn Phú Lễ, Huyền Tư.

#### Sự nghiệp sáng tác

* Tác phẩm của ông chủ yếu viết về mảnh đất và con người Nam Bộ.
* Là nhà văn đa tài thành công ở nhiều thể loại: truyện ngắn, truyện dài, truyện kí, thơ, kịch thơ, biên

khảo.

* Tác phẩm chính:

+ Tiểu thuyết: "*Đất rừng phương Nam*" (1957)

Truyện ngắn: *Hoa hướng dương* (1960), *Đồng Tháp Mười* (1987),

Truyện kí*: Ngọn tầm vông* (1956), *Trần Văn Ơn* (1955), *Người thủy thủ già trên hòn đảo lưu đày...*

Kịch thơ: *Người Nam thà chết không hàng* (1947), *Chiến sĩ Tháp Mười* (1949)

Thơ: *Giữ vững niềm tin (1954), Bến nước mười hai, Biên khảo: Những chuyện lạ về cá (1981), Tê giác giữa ngàn xanh (1982).*

Với Đoàn Giỏi một người từng đam mê hội họa nhưng không thành công nên chuyển sang theo đuổi con đường văn chương. Với niềm tự hào về một vùng đất trù phú, giàu tình yêu thương, nỗi nhớ và có cả trong đó là những sự cảm phục với những con người chân chất thôn quê, ý chí dũng cảm là những chất men giúp nhà văn khơi nguồn được những sáng tác. Đọc văn ông, ta thấy thấm đượm hơi thở của sông nước, rừng cây, những câu chuyện từ thực tế đến huyền bí của thiên nhiên Nam Bộ hoang sơ. Nhớ đến ông là ta nhớ đến nhà văn đa tài thành công ở nhiều thể loại.

**Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu tiểu thuyết "*Đất rừng phương Nam*"**

#### Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 23,24)

? Tiểu thuyết "*Đất rừng phương Nam*" được tác giả sáng tác trong thời gian nào? Nêu hiểu biết của

em về tác phẩm.

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Học sinh suy nghĩ xung phong trả lời câu hỏi.
* Giáo viên khích lệ học sinh trả lời bài.

#### Bước 3: Báo cáo, thảo luận

* Học sinh trả lời câu hỏi.
* Học sinh khác nghe, phát biểu bổ sung.

#### Bước 4. Kết luận, nhận định

* GV đánh giá phần trả lời của HS, mở rộng thêm cho học sinh hiểu biết về tiểu thuyết "*Đất rừng phương Nam*": Tác phẩm là một trong những thành công lớn của nhà văn Đoàn Giỏi khi kể về cuộc phiêu lưu của một cậu bé lang thang không cha không mẹ, đã được dựng thành phim và đã đi vào lòng người qua các thế hệ.

1. **Tác phẩm tiểu thuyết "*Đất rừng phương Nam*".**

* "*Đất rừng phương Nam*"( 1957) – là phẩm nổi tiếng của nhà văn Đoàn Giỏi đã được dịch ra nhiều tiếng nước ngoài, tái bản nhiều lần, được dựng thành phim và in trong *Tủ sách Vàng* của nhà xuất bản Kim Đồng.
* Tác phẩm viết về cuộc đời phiêu bạt của cậu bé tên An. Bối cảnh của tiểu thuyết là miền Tây Nam

Bộ, Việt Nam vào những năm 1945, sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm chiếm Nam Bộ.

**Nhiệm vụ 3. Tìm hiểu văn bản "*Người đàn ông cô độc giữa rừng*".**

#### Tìm hiểu cách đọc, từ ngữ khó

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập. (slide 25)**

Học sinh trả lời cá nhân.

*? Theo em nên đọc văn bản như thế nào? Hãy đọc đoạn văn bản em yêu thích.*

*? Em hãy chia sẻ ấn tượng ban đầu của mình về văn bản. Chia sẻ các từ mà lần đầu đọc văn bản em*

*thấy khó hiểu và kết quả tìm hiểu của em về các từ ngữ đó?*

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* HS suy nghĩ nội dung câu hỏi mạnh dạn xung phong trả lời ý kiến**.**

#### Bước 3: Báo cáo , thảo luận

* HS báo cáo, thảo luận.
* GV gợi ý để học sinh hiểu về ngôn ngữ vùng miền qua các từ khó mà học sinh chia sẻ**.**

#### Bước 4: Kết luận, nhận định

* GV và HS cùng đánh giá việc xác định cách đọc và đọc văn bản, tìm hiểu ngôn ngữ vùng miền

trong văn bản

* GV cho HS nghe video đọc mẫu trên YouTube

lưu ý bổ sung:

**+** Trong văn bản có nhiều ngôn ngữ địa phương Nam Bộ, các em cần chú ý đó là những từ dùng ở địa phương nhất định của người Nam Bộ cần hiểu cho đúng**.**

1. **Văn bản "*Người đàn ông cô độc giữa rừng*"**
   1. **Đọc, tìm hiểu từ khó**

* **Đọc:**
* **Từ địa phương:**

+ *Khám*: nhà giam, nhà tù.

+ *Qua*: Từ mà người đàn ông lớn tuổi tự xưng một cách thân mật khi nới với người nhỏ tuổi hơn.

+ *Bả*: Bà ấy.

#### Từ mượn:

+ *Rơ-đanh-gốt*: một kiểu áo lễ phục cài chéo.

+ *Mút*: Súng trường nhẹ, ngắn

#### Tìm hiểu xuất xứ, hình thức văn bản .

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 26 -> 29)**

* GV chiếu phiếu học tập 2, yêu cầu học sinh thảo luận cặp đôi hoàn thiện phiếu học tập để tìm hiểu

nét chung về văn bản**.**

* Cách thực hiện**:**

+ Nhóm trưởng sử dụng phiếu của mình làm chuẩn để sửa chữa.

+ Các HS thảo luận cho ý kiến sửa chữa, nhóm trưởng sửa, bổ sung bằng bút đỏ.

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm hoàn thiện phiếu học tập 2

#### Bước 3: Báo cáo, thảo luận

* HS trình bày kết quả thảo luận nhóm, các nhóm bổ sung cho nhau.
* GV hỗ trợ HS góp ý, chuẩn xác.

#### Bước 4: Kết luận, nhận định

* HS đánh giá bạn
* Giáo viên đánh giá, nhận xét góp ý thái độ đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.
* Giáo viên chuẩn kiến thức: Khi tìm hiểu văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết: Cần nhận diện được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể, sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền) có ân tượng ban đầu về tác phẩm và nhận biết được đề tài, chủ đề của văn bản...)

#### b. Tìm hiểu chung văn bản

**\*Xuất xứ**: Trích chương 10 tiểu thuyết "*Đất rừng phương Nam*", NXB Văn học Hà Nội, 2010.

#### \*Nhân vật:

* Nhân vật: Chú Võ Tòng, bé An, tía nuôi.
* Nhân vật chính: Chú Võ Tòng (Hình dáng cử chỉ, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ)

#### \*Sự kiện chính và bối cảnh:

* Sự kiện : Tía nuôi dắt An đi thăm chú Võ Tòng

#### Bối cảnh:

+ Bối cảnh chung: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

+ Bối cảnh riêng: Ban đêm ở lều của chú Võ Tòng trong rừng U Minh - nơi diễn ra cuộc trò chuyện của Ông Hai và chú Võ Tòng bàn về việc đánh giặc.

#### \*Ngôi kể

+ Ngôi thứ nhất: Nhân vật An

+ Ngôi thứ 3 (tác giả)

#### \*Bố cục: Chia 3 phần:

* **Phần 1 (đoạn 1):** Bối cảnh cuộc gặp gỡ của An và tía nuôi với chú Võ Tòng.
* **Phần 2 (đoạn 2,3,4):** Bối cảnh cuộc gặp gỡ của An và tía nuôi với chú Võ Tòng.
* **Phần 3 (đoạn 5):** Cảnh chia tay với chú Võ Tòng.

**Nội dung 3: Đọc - Hiểu văn bản *[****dự kiến thời gian 80 phút]*

1. **Mục tiêu:** - Nhận biết đặc điểm nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm và cách nhà văn thể hiện nhân vật cùng những thông điệp mà nhà văn nhắn gửi qua nhân vật
2. **Nội dung:** HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nhân vật, nghệ thuật xây dựng

nhân vật của nhà văn

1. **Sản phẩm:** Các câu trả lời của học sinh, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.
2. **Tổ chức thực hiện**

**Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu bối cảnh gặp gỡ với chú Võ Tòng.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 30)**

* GV yêu cầu HS đọc phần 1 văn bản “*Chắc tôi ngủ... lên nhau*” suy nghĩ cá nhân câu hỏi:

*?Tìm chi tiết nói lên bối cảnh cuộc gặp gỡ của tía con An với chú Võ Tòng.*

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Học sinh đọc văn bản tìm ý trả lời nội dung câu hỏi.
* Giáo viên quan sát, gợi ý

#### Bước 3: Báo cáo, thảo luận

* HS trả lời cá nhân câu hỏi và bổ sung cho nhau
* Giáo viên góp ý.

#### Bước 4: Kết luận, nhận định

* Học sinh đánh giá nội dung trả lời của bản thân và bạn
* Giáo viên đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh và chuẩn kiến thức.

*=> Nổi bật lên trong khung cảnh chiều tà, cảnh vật hoang dã, heo hút, rờn rợn là hình ảnh ông Hai bán rắn (tía nuôi An), chú Võ Tòng và An – những con người chung chí hướng, lí tưởng.*

#### Bối cảnh cuộc gặp gỡ

Thời gian:

+ Chiều tối.

+ Ánh lửa bếp chiếu qua khung cửa sổ, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành bậc thang dài xuống bến.

**Không gian:** hoang vắng.

+Tiếng con vượn bạc má kêu “ché… ét, ché… ét”, ngồi vắt vẻo trên một thanh xà ngang, nhe răng dọa người

+ Bậc gỗ trơn tuột.

+ Một cái bếp cà ràng, lửa cháy riu riu, trên cà ràng bắc một chiếc nồi đất đậy vung kín mít…

+ Một làn khói hăng hắc màu xanh bay ra từ chiếc nồi dậy kín vung sôi “ùng… ục…”

**Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu nhân vật**

**\*Tìm hiểu nhân vật Võ Tòng**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 31 -> 45)**

- Giáo viên chiếu phiếu học tập số 3, yêu cầu HS thảo luận theo nhóm để thống nhất.

#### \*Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:

Các nhóm thảo luận theo nhóm thống nhất trả lời câu hỏi trên cơ sở chọn một phiếu làm chuẩn, bổ

sung ý kiến bằng bút đỏ.

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận theo nhóm hoàn thiện nội dung phiếu HS số 3, nhóm trưởng điều hành thảo luận, thư kí dùng bút đỏ bổ sung vào một phiếu làm chuẩn.

#### Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Các nhóm báo cáo kết quả theo kĩ thuật công đoạn ý câu hỏi 1,2,3,4,5,6.

- Sau mỗi phần trả lời các nhóm bổ sung, giáo viên chiếu đáp án cho học sinh đối sánh, bổ sung.

#### (Sản phẩm học tập dưới phần Phụ lục)

**Nhóm 1**: Ngoại hình, trang phục.

**Nhóm 2:** Trình bày chi tiết thể hiện cử chỉ, hành động, lối sống.

**Nhóm 3**: Nêu chi tiết thể hiện ngôn ngữ của nhân vật.

**Nhóm 4:** Nêu chi tiết thể hiện suy nghĩ của nhân vật.

**Nhóm 5**: Nêu nhận xét của người kể chuyện và lời nói của các nhân vật khác về Võ Tòng.

**Nhóm 6**: Chỉ ra sự thay đổi ngôi kể trong câu chuyện. Sự thay đổi đó có tác dụng gì trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng?

#### Bước 4. Kết luận, nhận định:

* Các nhóm tự đánh giá bài của mình và đánh giá chéo nhóm nội dung câu trả lời.
* Giáo viên đánh giá chung và chuẩn kiến thức- HS tự bổ sung vào phiếu học tập của mình.
* GV khắc sâu cho học sinh kiến thức về nhân vật:

#### Tìm hiểu nhân vật

* 1. **Nhân vật Võ Tòng**

**\*Ngoại hình, trang phục:** Kì dị, khác thường, bề ngoài có vẻ dữ dằn.

#### \*Cử chỉ, hành động, lối sống:

+ Trước kia: Hiền lành, chính trực, ghét cái ác.

+ Sau khi đi tù về và bỏ đi sống một mình trong rừng**:** Gan dạ pha chút ngang tàng, liều lĩnh. có sức khỏe phi thường.

**+** Khi trò chuyện với An và ông Hai - tía nuôi của An: gần gũi, thân tình

#### \*Ngôn ngữ:

* Cách xưng hô: Gọi tía nuôi tôi là "anh Hai", gọi tôi là "chú em"
* Thái độ khi nói năng**:**

+ Nói với ông Hai: nghiêm túc, thẳng thắn.

+ Nói với An: trêu đùa, vui vẻ, chắc chắn.

**\*Suy nghĩ:** Chín chắn, sâu sắc của người từng trải, hiểu biết...

* Khi bàn chuyện đánh giặc:

+ Biết tính kế để giết giặc;

* Khi biết má của An cũng rất gan dạ: thì thấy có lỗi, muốn làm một bữa rượu để tạ lỗi.

#### Nhận xét của người kể chuyện

+ Là người sống đơn độc, chịu nhiều những buồn thương trong cuộc đời.

+ Gã ngày càng trở nên kì hình dị tướng.

* **Lời của các nhân vật khác trong truyện nói về nhân vật:** Hiền lành, bộc trực, có lòng tốt thương người.

#### Sự thay đổi ngôi kể trong văn bản

+ Ngôi 1: Đoạn đầu và cuối văn bản khi kể về những gì cậu bé An đã chứng kiến khi gặp chú Võ Tòng.

+ Ngôi 3: nói về cuộc đời trước đây của nhân vật.

**\*Tác dụng:** Tạo cho lời kể linh hoạt, góp phần làm bật đặc điểm, tính cách nhân vật.

-> Qua lời kể của dân làng, cách nhìn của An về cách ăn mặc , hành động, thái độ khi tiếp khách ta nhận thấy ở Võ Tòng là một người dân Nam Bộ chất phác, một người cô độc sống giữa rừng *kì hình dị tướng* nhưng mang nét đẹp của người Nam Bộ dũng cảm, kiên trung, tính tình thẳng thắn, bộc trực, luôn sẵn lòng giúp đỡ mọi người.

**Nhiệm vụ 3. Tìm hiểu các nhân vật khác.**

**\*Tìm hiểu nhân vật ông Hai**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 46, 47)**

* GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân:

*?Tìm chi tiết trong văn bản nói về nhân vật ông Hai. Từ đó nhận xét xét về nhân vật.*

#### Gợi ý:

*?Tình cảm của ông Hai dành cho An như thế nào khi biết chú bé đi lạc và khi đưa An đi thăm chú Võ Tòng?*

*?Ông Hai nói chuyện bàn với chú Võ Tòng điều gì, ông có thái độ nào khi hai người nói chuyện về bà Hai vợ ông? Từ đó em thấy ông Hai là người như thế nào?*

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* HS đọc văn bản tìm chi tiết thể hiện và nhận xét về nhân vật qua phiếu học tập cá nhân
* GV hỗ trợ HS góp ý, chuẩn xác.

#### Bước 3: Báo cáo sản phẩm

* HS trả lời cá nhân câu hỏi và bổ sung cho nhau.
* GV hỗ trợ, góp ý.

#### Bước 4: Kết luận, nhận định.

* GV chiếu đáp án - HS đánh giá cho điểm phần trình bày của nhóm bạn.
* Giáo viên đánh giá, nhận xét góp ý thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.

#### Nhân vật ông Hai

**\*Suy nghĩ, hành động, lời nói:**

* Khi đưa An đến thăm nhà chú Võ Tòng:

+ Để cho An ngủ một giấc lâu;

+ Khi thấy An đã tỉnh:

*Tía nuôi tôi ngó tôi, cười cười nhấc cái tẩu thuốc lá ở miệng ra:*

* *Ngủ đẫy giấc rồi à? Tía thấy con ngủ say, tía không gọi. Thôi đã dậy rồi thì ngồi đây chơi!*
* Khi chú Võ Tòng có vẻ e ngại bà Hai cản trở công việc, ông Hai đã đỡ lời cho vợ mình: Tía nuôi tôi vội đỡ lời:

*Chú phòng xa như vậy cũng phải. Đàn bà nhà tôi còn mê tín, tin có Trời, có Phật. Nhưng về cái gan*

*dạ thì... chú cứ tin lời tôi, bả không thua anh em ta một bước nào đâu.*

* Khi ông Hai và An chia tay chú Võ Tòng:

+ *Tía nuôi tôi đập đập tay vào lưng chú Võ Tòng:*

*+ Xin đa tạ chú ! Đa tạ chú!*

#### \* Trang phục:

*+ Tía nuôi tôi lưng đeo nỏ, hông buộc ống tên bước xuống xuồng.*

=> Qua lời nói, cách cư xử, dáng vẻ, ông Hai hiện lên là người dân hiền lành, bộc trực, thẳng thắn,

giàu tình cảm (nhận An làm con nuôi, giàu lòng yêu nước, gan dạ)

#### \*Tìm hiểu nhân vật An

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 48, 49, 50)**

* GV cho HS làm việc cá nhân:
  + 1. *Nhân vật An có vai trò gì trong câu chuyện? Tìm chi tiết thể hiện về nhân vật.*

*+ Khi gặp chú Võ Tòng;*

*+ Khi nghe con vượn bạc má kêu;*

*+ Khi nghe chú Võ Tòng nói chuyện.*

* + 1. *Nhận xét cách nhà văn thể hiện nhân vật, qua đó em có cảm nhận như thế nào về chú bé An?*

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* + - * HS đọc văn bản tìm chi tiết thể hiện và nhận xét về nhân vật qua phiếu học tập cá nhân.

#### Bước 3: Báo cáo, thảo luận

* + - * 1-2 HS trả lời.
      * HS khác nghe và bổ sung. **Bước 4. Kết luận, nhận định.** HS đánh giá bạn.
      * GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.
      * **GV: *Qua tìm hiểu về các nhân vật em có cảm nhận chung gì về con người Nam Bộ? Nhận xét tình cảm và cách nhà văn thể hiện về họ.***
      * HS nêu suy nghĩ.
      * GV chuẩn xác khẳng định nghệ thuật xây dựng các nhân vật và vẻ đẹp chung của các nhân vật.

#### Nhân vật An

**+ Khi gặp chú Võ Tòng**: không sợ chú Võ Tòng như hôm mới gặp... mà còn có chút cảm tình xen

lẫn ngạc nhiên hơi buồn cười.

**+ Con vượn bạc má lại kêu** "*Ché... ét, ché... ét" ở phía trên đầu tôi. Tôi cứ mặc kệ nó, vừa xé miếng thịt khô ướp muối sả nướng thơm phức cho vào mồm nhai vừa đưa mắt nhìn quanh ngôi lều.*

+ Ngửi thấy mùi lông khét tỏa ra từ chiếc nồi trên bếp: *"tôi có một thứ cảm giác rờn rợn"...*

**+ Khi nghe chú Võ Tòng nói chuyện**: giọng nói bỡn cợt của Võ Tòng có pha đượm nỗi buồn chua chát khiến tôi vừa nghe vừa nhìn bếp lửa cháy riu mà không khỏi bùi ngùi.

#### Khi xem chú Võ Tòng tẩm độc vào tên:

*+ Tôi đứng xem người thợ săn áo thuốc, tẩm độc vào đầu tên một cách say sưa, đến nỗi không dám*

*thở mạnh*

*+ Lỡ trong mồm, trong dạ dày hay trong ruột bị lở loét gì mà nuốt vào thì bỏ mạng, chú ạ!*

#### Khi ra về:

*Tôi cầm giầm vơi nhưng còn ngoái lên nói với:*

* + - * *Chào chú ạ! Hôm nào chú sang chơi, nhớ mang theo một con nai hay một con heo rừng be bé, chú nhá!*

*->* Qua suy nghĩ, lời nói, thái độ, ta thấy An là một chú bé:

+ Biết quan sát, cảm nhận: nhìn và nhận xét được về chú Võ Tòng.

+ Gan dạ: bị con vượn bạc dọa nhưng vẫn không sợ mà đi lên lều của chú Võ Tòng.

* + - * **Tóm lại:** Qua lời tự kể của các nhân vật và người kể chuyện các nhân vật hiện lên qua dáng vẻ ngoại hình, hành động cử chỉ, ngôn ngữ, suy nghĩ... đều toát lên vẻ đẹp của người Nam Bộ. Đó là người dân hiền lành, giàu lòng yêu nước, nghĩa tình, sống hòa hợp với thiên nhiên.

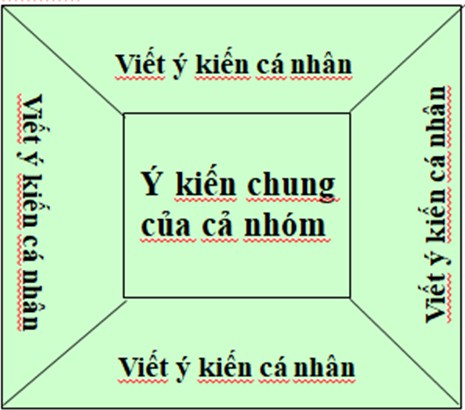
#### Nhiệm vụ 4. Tìm hiểu chất Nam Bộ thể hiện trong văn bản Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 51, 52)

* + - * GV chuyển giao nhiệm vụ học tập qua kĩ thuật khăn trải bàn, trả lời câu hỏi:

? *Tìm các yếu tố về ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sống sinh hoạt... trong văn bản để thấy truyện của Đoàn Giỏi mang màu sắc Nam Bộ.*

#### Cách thực hiện:

Giáo viên chia lớp thành các nhóm học tập từ 4- 6 học sinh. Trao cho mỗi nhóm 1 tờ A0 (tượng trưng cho khăn trải bàn) thảo luận câu hỏi theo yêu cầu kĩ thuật khăn trải bàn:



#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

B1. Trưởng nhóm chia sẻ khăn trải bàn.

B2. Từng thành viên nhóm trình bày.Trưởng nhóm thể hiện ý kiến của từng người vào khăn theo từng cạnh của khăn.

B3. Sau 2-3 phút làm việc cá nhân , nhóm trao đổi thống nhất ý kiến cả nhóm.

#### Bước 3: Báo cáo , thảo luận

* + - * Đại diện các nhóm treo khăn trải bàn và trình bày kết quả.
      * HS khác nghe và bổ sung.

#### Bước 4. Kêt luận, nhận định

* + - * HS đánh giá nhóm bạn trên cơ sở tiêu chí giáo viên cung cấp.

#### GV đánh giá nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS và khẳng định:

1. **Chất Nam Bộ thể hiện trong văn bản.**

**- Ngôn ngữ** : giản dị đậm sắc thái địa phương Nam Bộ: Sử dụng từ địa phương, quán ngữ làm nổi bật chất người Nam Bộ

**-Phong cảnh thiên nhiên**: đặc trưng của miền sông nước Nam Bộ: Vùng thiên nhiên trù phú, hoang

sơ:

+ Sông nước;

+ Rừng tràm: Nhiều thú dữ, chim chóc buổi hoang sơ.

=> Thiên nhiên xuất hiện thấp thoáng qua lời kể của nhân vật đã gợi vẻ đẹp của vùng sông nước với những rừng tràm trù phú, hoang sơ.

**Tính cách con người:** Bộc trực, thẳng thắn, dễ mến.

**Nếp sống sinh hoạt**: mang đậm dấu ấn địa phương Nam Bộ:

-> Tạo ấn tượng chung về con người, mảnh đất phương Nam.

*Ngoài những dấu ấn thiên nhiên, tính cách, nếp sống của người Nam Bộ thì dấu ấn Nam Bộ thể hiện rõ ở ngôn ngữ. Cả ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ của người kể trong đoạn trích đều mang những đặc trưng đầy đủ về phương ngữ Nam Bộ ở cả các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và cả phong cách diễn đạt. Có những đoạn rất hay, biểu hiện cho lối “văn nói Nam Bộ”, lối văn chương gồm những câu ngắn gọn, có nhiều từ ngữ Nam Bộ trong giao tiếp bằng lời được thể thành văn viết và đi vào trang văn của Đoàn Giỏi thật tự nhiên, gần gũi như cách nói của người dân Nam Bộ.*

**Nội dung 4: Tổng kết***[dự kiến thời gian: 10 phút]*

1. **Mục tiêu:** Khái quát (nhận biết) nội dung và nghệ thuật của văn bản.
2. **Nội dung:** Hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để chỉ ra những thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.
3. **Sản phẩm:** Các câu trả lời của học sinh.

#### Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 53, 54, 55)**

*?Khái quát đặc sắc nội dung và nghệ thuật của văn bản?*

*?Em rút ra bài học nào khi đọc hiểu tác phẩm là tiểu thuyết ?*

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân

#### Bước 3: Báo cáo, thảo luận

* HS khái quát nội dung. nghệ thuật của văn bản
* GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.

#### Bước 4: Kết luận, nhận định

* Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.

#### Nghệ thuật

* + - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình.
    - Sử dụng đa dạng ngôi kể để câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực, nhiều chiều.
    - Sử dụng từ ngữ địa phương, tạo sắc thái thân mật, gần gũi, phù hợp với bối cảnh mà tác phẩm miêu

tả.

#### Nội dung

Qua kể việc tía nuôi và An đến thăm chú Võ Tòng, đoạn trích thể hiện vẻ đẹp thiên nhiên Nam Bộ trù phú. hoang sơ và vẻ đẹp của con người Nam Bộ, cuộc sống sinh hoạt của họ.

#### Cách đọc hiểu văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết

* + - **Đọc hiểu được hình thức văn bản:**

+ Bối cảnh.

+ Nhân vật.

+ Ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể.

* + - Ngôn ngữ vùng miền.

#### Đọc hiểu nội dung:

+ Nắm được đề tài.

+ Chủ đề.

+ Ý nghĩa của văn bản.

#### Giáo viên bổ sung:

+ *Người đàn ông cô độc giữa rừng* là một đoạn trích tiêu biểu cho màu sắc thiên nhiên và con người Nam Bộ. Chỉ bằng một cuộc chuyện trò nho nhỏ và qua hình ảnh nhân vật tiêu biểu là chú Võ Tòng, nhà văn Đoàn Giỏi đã khắc họa rõ nét hình tượng con người Nam Bộ hồn hậu chất phác, thật thà hồn.

+ Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật đặc sắc kết hợp với việc sử dụng ngôi kể linh hoạt khiến câu chuyện thêm khách quan, gần gũi với người đọc. Thiên nhiên qua ngòi bút miêu tả chân thực của nhà văn cũng hiện lên xanh tươi đậm chất sông nước miền Nam khiến người đọc không khỏi yêu mến, nhớ nhung.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** *[dự kiến thời gian:15 phút]*

1. **Mục tiêu:** Củng cố khắc sâu nhận biết về hình thực, nội dung văn bản.
2. **Nội dung*:*** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
3. **Sản phẩm:** Kết quả của HS.
4. **Tổ chức thực hiện:**

**Bài 1: Làm bài tập trắc nghiệm qua trò chơi Rung chuông vàng (game mini).**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 56 -> 68)**

Tổ chức học sinh tham gia trò chơi "Rung chuông vàng" tham gia trả lời gói 10 câu hỏi, mỗi câu đúng được 1 điểm.

**Cách tổ chức**: GV nêu luật chơi, đọc câu hỏi. Học sinh tham gia trả lời câu hỏi ghi đáp án – chọn chữ

cái A, B, C, D

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* + - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng tinh thần xung phong.

**Câu 1: *Người đàn ông cô độc giữa rừng* em hiểu đó chính là nhân vật nào trong đoạn trích?**

A. Chú Võ Tòng B. Ông Hai C. Tên địa chủ D. Tên quan tây

#### Câu 2: Bối cảnh của đoạn trích là gì?

* 1. Tía nuôi dẫn An đi thăm chú Võ Tòng.
  2. Ban đêm ở lều của chú Võ Tòng trong rừng U Minh.
  3. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
  4. Cả hai ý B, C.

#### Câu 3: Ai là nhân vật chính của văn bản?

A. Chú Võ Tòng B. Nhân vật tôi C. Ông Hai D. Bà Hai

#### Câu 4: Nhân vật trong truyện sử dụng ngôn ngữ vùng nào?

A. Bắc Bộ B. Nam Bộ C. Nam Trung Bộ D. Miền núi phía bắc

**Câu 5: Người kể trong văn bản "*Người đàn ông cô độc giữa rừng*" kể chuyện theo ngôi thứ mấy?**

A. Ngôi 1 B. Ngôi 2 C. Ngôi 3 D. Ngôi 1 và ngôi 3

#### Câu 6: Phong cảnh thiên nhiên mang nét đặc trưng của Nam Bộ được nói đến trong đoạn trích là gì?

A. Đồng lúa B. Đầm sen C. Rừng đước D. Rừng tràm

**Câu 7: Thông điệp nhà văn muốn gửi đến bạn đọc qua văn bản "*Người đàn ông cô độc giữa rừng*" là gì?**

1. Người Nam Bộ sống nghèo khổ, cô đơn.
2. Người Nam Bộ hiền lành, chất phác.
3. Người Nam Bộ cương trực, thẳng thắn, gan dạ giàu tình cảm.
4. Người Nam Bộ bị bọn thực dân phong kiến áp bức đến cùng kiệt.

**Câu 8. Nhan đề văn bản "*Người đàn ông cô độc giữa rừng*" gợi cho em những suy nghĩ gì?**

1. Suy nghĩ về một người sống cô đơn nơi rừng vắng mênh mông.
2. Suy nghĩ về một người sống đơn độc giữa thiên nhiên.
3. Suy nghĩ về cuộc sống hòa mình giữa con người với thiên nhiên.
4. Suy nghĩ về ý chí nghị lực của con người.

#### Câu 9. Ý nào sau đây khái quát đầy đủ nhất về nhân vật chú Võ Tòng?

1. Hiền lành, thật thà, chăm chỉ.
2. Bộc trực, thẳng thắn, gan dạ sống giàu tình cảm luôn quan tâm tới mọi người.
3. Sống nghèo khổ cô đơn, dữ dằn.
4. Sống giản dị, mộc mạc.

#### Câu 10. Trong văn bản tính cách nhân vật hiện lên qua yếu tố nào?

1. Trang phục, hình dáng, cử chỉ, ngôn ngữ.
2. Trang phục, hình dáng, ngôn ngữ, cử chỉ, suy nghĩ.
3. Hình dáng lời của người kể chuyện.
4. Trang phục, hình dáng, ngôn ngữ, cử chỉ, suy nghĩ, lời kể của người kể chuyện, nhận xét của nhân

vật khác.

#### Bước 3: Báo cáo, thảo luận

* + HS tham gia chơi đọc to trước lớp đáp án mình lựa chọn.

#### Bước 4: Kết luận, nhận định

* + - Học sinh nhận xét câu trả lời.
    - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

**BT1. GV chiếu đáp án:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **ĐA** | **A** | **D** | **A** | **B** | **D** | **D** | **C** | **A** | **B** | **D** |

**Bài 2: Qua văn bản, em hiểu được điều gì về con người và thiên nhiên của vùng đất phương**

**Nam? Hãy nêu một chi tiết mà em thích nhất. Lí giải vì sao?**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 69)**

* + - Giáo viên chiếu câu hỏi yêu cầu HS trả lời cá nhân.

#### Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* + - Học sinh suy nghĩ trả lời cá nhân.

#### Bước 3: Báo cáo, thảo luận

* + - Học sinh trả lời.
    - Học sinh khác và giáo viên góp ý bổ sung.

#### Bước 4: Kết luận, nhận định

* + - HS đánh giá phần trả lời của bạn.

BT2. - Qua văn bản, em hiểu thêm về nét chất phác hồn nhiên của con người phương Nam và thêm yêu mến thiên nhiên hoang sơ giản dị nơi đây.

* + Chi tiết mà em thích nhất là câu nói cảm ơn của ông Hai và chú Võ Tòng. Nó thể hiện được lối sống

ân nghĩa giữa người với người, tất cả hướng về nghĩa lớn, quyết tâm bảo vệ mảnh đất thân yêu.

#### Bài 3: Thực hành viết đoạn văn

*Viết một đoạn văn 6- 8 dòng nêu lên những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản "Người đàn ông cô độc giữa rừng".*

#### Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 70, 71, 72)

* + - Giáo viên chiếu bài tập:
    - *Viết một đoạn văn 6- 8 dòng nêu lên những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản "Người đàn ông cô độc giữa rừng".*
    - Yêu cầu HS xác định đề, định hướng cách làm, tìm ý, viết bài.

#### Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ

* + - Học sinh xác định yêu cầu của đề, định hướng cách làm bài, rồi viết đoạn văn.
    - Giáo viên gợi ý học sinh về yêu cầu đoạn văn.

#### Bước 3: Báo cáo, thảo luận

* + - Học sinh báo cáo theo từng bước: *Xác định đề - tìm ý - viết đoạn.*
    - Trình bày đoạn văn hoàn chỉnh.

#### Bước 4. Kết luận, nhận định

* + - Giáo viên cung cấp thang đo cho HS tự đánh giá.
    - Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

BT3.Gợi ý

* + *Người đàn ông cô độc giữa rừng* trích tiểu thuyết “*Đất rừng phương Nam*” của Đoàn Giỏi là một đoạn trích tiêu biểu cho màu sắc thiên nhiên và con người Nam Bộ. Đặt vào bối cảnh tía nuôi dẫn An đi thăm chú Võ Tòng thông qua quan sát, cảm nhận của chú bé An về hình ảnh chú Võ Tòng trong cuộc trò chuyện với tía nuôi, nhà văn Đoàn Giỏi đã khắc họa rõ nét hình tượng con người Nam Bộ hồn hậu chất phác, thật thà. Nhà văn đã thành công trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật, sử dụng ngôi kể linh hoạt: khi thì kể ở ngôi một theo lời kể của An, khi kể ở ngôi ba theo lời của người kể giấu mặt. Chính nhờ sự sáng tạo ấy mà câu chuyện thêm hấp dẫn, lời kể vừa khách quan vừa gần gũi với người đọc. Cùng với đó, thiên nhiên qua ngòi bút miêu tả chân thực của nhà văn cũng hiện lên xanh tươi, đậm chất sông nước miền Nam Bộ, khiến người đọc không khỏi yêu mến, nhớ nhung.

-

* + - **Rubrics**
    - **Đánh giá đoạn văn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (6-8 dòng). | 1,0 |
| - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn. | 0,0 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | - Nêu được cảm nhận chung. | 0,5 |
| - Nêu được dẫn chứng làm rõ cho đặc sắc nội dung.  + Qua sự kiện tía nuôi dắt An đi thăm chú Võ Tòng thấy được vẻ đẹp của con  người Nam Bộ.  + Thấy vẻ đẹp trù phú, hoang sơ của thiên nhiên.  + Cuộc sống sinh hoạt của người dân vùng sông nước vùng U Minh. | 3,0 |
| - Nêu được đặc sắc nghệ thuật và biểu hiện làm rõ:  + Lựa chọn và thay đổi ngôn ngữ: Ngôi 1 và ngôi 3 để làm bật tính cách nhân  vật.  + Thể hiện nhân vật: Qua ngôn ngữ, hành động cử chỉ, ngoại hình trang phục, cách sống, cách nghĩ, qua lời kể của người kể chuyện, nhận xét của nhân vật khác.  + Sử dụng ngôn ngữ địa phương Nam Bộ. | 3,0 |
| - Khẳng định cảm xúc, nhận thức của người viết. | 1,0 |
| **Diễn đạt** | Diễn đạt trôi chảy, văn viết có giọng điệu. | 0,5 |
| **Sáng tạo** | Có sự sáng tạo trong cách dùng từ, đặt câu. | 0,5 |
| **Trình bày** | Trình bày sạch đẹp, chữ đúng chính tả. | 0,5 |

**\* Học sinh chỉnh sửa bài viết:**

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

* Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?..............................................................................................
* Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?........................................................
* Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế

nào?................................................................

* Em đã biết kết hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm vào để bài viết hay sâu sắc hơn chưa? Nếu chưa

thì em bổ sung như thế nào?...........................................................................................................

* Bài viết đã đánh giá được ý nghĩa của những đắc sắc nội dung, nghệ thuật theo cảm nhận của

riêng em chưa? Nếu chưa, em hãy bổ sung.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG** *[dự kiến thời gian: 5 phút]*

1. **Mục tiêu: -** Học sinh vận dụng năng lực đọc hiểu đã được hình thành trong văn bản về tìm đọc các

văn bản cùng thể loại (1-2 văn bản) có độ dài tương đương điền vào phiếu tìm ý.

* + Phát huy năng lực sáng tạo để thể hiện nhân vật bằng ngôn ngữ hội họa, ngôn ngữ văn chương.

1. **Nội dung:** Giao nhiệm vụ học sinh về tìm đọc văn bản.
2. **Sản phẩm:** Phiếu tìm ý của học sinh.

#### Tổ chức thực hiện

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (slide 73, 74, 75)**

**BÀI TẬP 1:** Để đọc hiểu văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết thì ta cần quan tâm đến những yếu tố

nào? Vận dụng để đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết mà em biết.

### PHIẾU HỌC TẬP

**TÊN VĂN BẢN:................................................. TÁC GIẢ.............................................**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung đọc hiểu** | **Định hướng trả lời** |
| 1. Ấn tượng chung về văn bản | ..... |

|  |  |
| --- | --- |
| 2. Xuất xứ | ..... |
| 3. Tóm tắt văn bản | ..... |
| 4. Nhân vật | ..... |
| 5. Nêu sự kiện chính và bối cảnh | ..... |
| 6. Ngôi kể | ..... |
| 7. Bố cục | ..... |
| 8. Phương diện nhà văn thể hiện nhân vật. Tìm chi tiết thể hiện. Đánh giá tính cách nhân vật qua những chi tiết thể hiện đó. | ..... |
| 9. Qua văn bản tác giả muốn nhắn gửi đến bạn đọc bài học ý nghìa gì? | .... |

#### BÀI TẬP 2: Hãy vẽ và miêu tả bằng lời về nhân vật theo hình dung của em.

|  |  |
| --- | --- |
| **Vẽ nhân vật** | **Miêu tả bằng lời** |
| ..... | ...... |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**Bài 1:**- Câu hỏi 1: HS thực hiện trên lớp.

* + Câu hỏi 2: Học sinh làm ở nhà. **Bài 2:** Học sinh thực hiện ở nhà. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**
  + GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet
  + HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

#### Bước 4: Kết luận, nhận định

* + Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm

lớp/môn…

### \*PHỤ LỤC

**\*Tóm tắt tiểu thuyết “*Đất rừng phương Nam*”**

*Đất rừng phương Nam* viết về cuộc đời của một cậu bé tên An, bối cảnh được lấy ở các tỉnh Tây Nam Bộ vào những năm 1945, sau khi thực dân Pháp quay trở lại Việt Nam. Cậu bé An thời điểm đó sống cùng với cha mẹ mình ở thành phố, sau khi thực dân Pháp đổ bộ trở lại Việt Nam và đổ quân vào khu vực Nam Bộ. Khi đó người dân bắt buộc phải chạy nạn. Cậu bé An theo cha mẹ chạy hết vùng này đến vùng khác của khu vực miền Tây Nam Bộ. Trong một lần mải chơi, giặc đánh đến và An bắt đầu lạc mất gia đình, từ đây cậu trở thành đứa trẻ lang thang. Ở khu chợ, cậu gặp được những người đầu tiên cưu mang mình. Dì Tư Béo, đưa An về làm giúp cho quán của mình và thế là từ đó, cậu có nơi nương tựa. Tại đây, An được tiếp xúc với khá nhiều người, trong đó có vợ chồng Tư Mắn là một trong những bọn Việt gian. Vào một buổi tối, An đọc được cuốn sổ của vợ chồng Tư Mắn và biết 2 bọn họ là tay sai nên An chạy trốn, rời bỏ quán dì Tư và tiếp tục chặng đường gian khổ sau này của mình.

**Phụ lục tìm hiểu chú Võ Tòng Nhóm 1: Ngoại hình, trang phục**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện thể hiện** | **Chi tiết thể hiện** | **Nhận xét** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | - Cởi trần, mặc chiếc quần ka ki còn mới nhưng coi bộ lâu không giặt | Kì dị, |
| Ngoại hình, | - Bên hông đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt. | khác |
| trang phục | - Thắt cái xanh-tuya-rông | thường, |
|  | - Mặt.. một hàng sẹo khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ | dữ dằn. |
|  | - Cái bóng lặng lẽ ngồi bên bếp |  |
|  | - Gã ngày càng trở nên kì hình dị tướng. |  |

**Nhóm 2: Trình bày chi tiết thể hiện cử chỉ, hành động, lối sống**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện thể hiện** | **Chi tiết thể hiện** | **Nhận xét** |
| **Cử chỉ, thái độ, hành động, lối sống** | * Trước kia:   + Có vợ, hiền lành, quý vợ rất mực.  + Sống đường hoàng, chính trực: giết địa chủ, thẳng thắn thú nhận  và sẵnsàng ngồi tù.   * Khi biết vợ lấy địa chủ:   Buồn, thất vọng nhưng có tình, có nghĩa với vợ: *Chỉ kêu trời một tiếng rồi cười nhạt bỏ làng ra đi.*   * Từ khi bỏ đi:   *+ Một mình bơi xuồng nát đến che lều ở giữa khu rừng đầy thú dữ.*  *+ Sống một mình giữa rừng, đấu tay đôi với hổ: Nằm ngửa cứ thế mà xóc mũi mác lên đâm thẳng một nhát vào hàm dưới con hổ chúa., hai chân gã đạp phốc lên bụng nó, không cho con ác thú kịp chụp xuống người.*  *+ Dùng dao găm và nỏ giết giặc Pháp.*  *+ Không để mắt tới người đàn bà nào nữa.*  Trong cuộc trò chuyện với An và ông Hai:  *+ Lấy miếng khô nai to nhất cho An nhai đỡ buồn miệng.*  *+ Sẵn sàng giúp đỡ mọi người mà không hề nghĩ đến chuyện người*  *ta có đền đáp lại mình không.*  *+ Ngồi đó, đối diện với tía nuôi tôi, bên bếp lửa.*  *+ Rót rượu ra bát, uống một ngụm, trao bát sang cho tía nuôi tôi và nói.*  *+Chú Võ Tòng chăm chú nhìn tôi một lúc rồi cười lớn.*  *+Trao chiếc nỏ và ống tên thuốc cho tía nuôi tôi.*  *+ Vẫy vẫy tay, cười lớn một thôi dài.* | Hiền lành, chính trực, ghét cái ác.  Sống cô độc nơi rừng sâu, dũng cảm, gan dạ; có sức khỏe phi thường,  Gần gũi, thân tình, bộc trực, thẳng thắn. |

**Nhóm 3: Nêu chi tiết thể hiện ngôn ngữ của nhân vật**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện thể hiện** | **Chi tiết thể hiện** | **Nhận xét** |
|  | - Nói với ông Hai: nghiêm túc, thẳng thắn nhưng thân mật gần gũi: xưng | Ngôn ngữ |
| 3. Ngôn | "tôi" gọi "anh Hai", gọi bà vợ của ông Hai là "chị Hai", | giản dị |
| ngữ | - Nói với An : Giọng trêu đùa, vui vẻ, chắc chắn. | của người |
|  | + Gọi tôi là chú em: "*Chú em cầm hộ lọ muối chỗ vách kia đưa giùm qua* | dân Nam |
|  | *chút.* | Bộ. |
|  | + "*Chú em nói ngẫm cũng đúng*". |  |

**Nhóm 4: Nêu chi tiết thể hiện suy nghĩ của nhân vật**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện thể hiện** | **Chi tiết thể hiện** | **Nhận xét** |
| **4. Suy**  **nghĩ** | - Khi bàn chuyện đánh giặc:  + Biết tính kế để giết giặc *"Mình thì cần gì tới súng", "Tôi cho rằng súng*  *dở lắm, động tới thì kêu ầm ĩ".*  + Lo nghĩ, thấu đáo: giấu không nói với má nuôi của An vì sợ má An ngăn trở công việc *"Sở dĩ tôi không dám nói với bà chị là con e bà chị ngại đến nguy hiểm, biết đâu sẽ ngăn trở công việc của chúng ta".*  - Khi biết má của An cũng rất gan dạ thì thấy có lỗi, muốn làm một bữa rượu để tạ lỗi *"Vậy thì tôi có lỗi với chị Hai quá trời, để bữa nào ta làm một bữa rượu để tôi tạ lỗi với bà chị của tôi mới được".* | Chín chắn, sâu sắc của người từng trải, hiểu biết... |

**Nhóm 5: Nêu nhận xét của người kể chuyện và lời nói của các nhân vật khác về Võ Tòng.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện thể hiện** | **Chi tiết thể hiện** | **Nhận xét** |
| Qua nhận xét của người kể chuyện | + *Sống đơn độc đến con chó làm bạn cũng không có.*  *+ Gã trở nên một người giỏi võ từ lúc nào.*  *+ Giọng nói bỡn cợt của Võ Tòng có pha đượm một nỗi buồn chua chát, khiến tôi vừa nghe vừa nhìn bép lửa cháy riu riu mà không khỏi bùi ngùi*. | Là người sống đơn độc, chịu nhiều những buồn thương trong cuộc đời |
| Qua lời của | *+ Ngày xưa gã là một chàng trai hiền lành.* | Hiền lành, bộc |
| các nhân vật | *+ Quý vợ rất mực.* | trực, có lòng tốt |
| khác trong | *+Bị địa chủ vu cho ăn trộm măng tre, một mực cãi lại tên địa* | thương người. |
| truyện | *chủ quyền thế.* |  |
|  | *+ Bị đánh ba toong lên đầu…chém trả vào mặt.* |  |
|  | *+ Không trốn chạy... đường hoàng xách dao đến trước nhà,* |  |
|  | *bó tay chịu trói…* |  |
|  | *+ Tù về, vợ đã lấy lẽ địa chủ, con đã chết... gã chỉ kêu trời* |  |
|  | *một tiếng rồi cười nhạt bỏ làng ra đi.* |  |
|  | *+ Hơn mười năm sống trơ trọi giữa rừng… không để mắt tới* |  |
|  | *một người đàn bà nào nữa... càng trở nên kì hình dị tướng...* |  |
|  | *+ Nhưng ai cũng mến gã ở cái tính chất phác thật thà, lúc* |  |
|  | *nào cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người mà không hề nghĩ đến* |  |
|  | *chuyện người ta có đền đáp mình hay không.* |  |

### DẤU ẤN NAM BỘ TRONG TÁC PHẨM

**(Sản phẩm Phiếu HT)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yếu tố thể hiện dấu ấn Nam Bộ** | |
| **1. Ngôn ngữ:** | - Sử dụng ngôn ngữ địa phương Nam Bộ: *tía, anh Hai, bả...*  -> Thể hiện sự giản dị, mang sắc thái địa phương. |
| **2. Phong cảnh:** | Phong cảnh thiên nhiên thấp thoáng xuất hiện qua lời kể của nhân vật gợi vẻ đẹp thiên nhiên hoang sơ, trù phú của vùng sông nước phương Nam, phương tiện đi lại bằng xuồng.  - Cây cối: Cây tràm. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | - Rừng tràm hoang sơ:  + Nhiều thú dữ: hổ (*Rừng này còn nhiều hổ lắm... Một buổi trưa gã đang ngủ trong lều,con hổ chúa mò vào*); vượn bạc (*vượn bạc kêu “ché… ét, ché… ét…*” dọa An).  + Nai, heo rừng be bé: *"Hôm nào chú sang chơi, nhớ mang theo*  *một con nai hay con heo rừng be bé, chú nhá!".*  + Chim chóc (*tiếng chim rừng ríu rít gọi nhau trở dậy đón bình minh trên những cây xung quanh lều*). |
| **3.Tính cách con người**: | Nói năng thẳng thắn, bộc trực. (Lời ông Hai nói với An, lời chú Võ Tòng nói về bà Hai). |
| **4. Nếp sống sinh hoạt** | Nếp sinh hoạt tự do, phóng khoáng, người với người đối với nhau  bằng tình cảm hào sảng, gần gũi:  + Đi bằng xuồng.  + Bếp đun đặt giữa lều “*chỗ giữa lều, có đặt một cái bếp cà ràng,*  *lửa cháy riu riu*”;  + Ăn uống thoải mái: *“vừa xé miếng thịt khô ướp muôi sả nướng thơm phức cho vào mồm nhai vừa đưa mắt nhìn quanh ngôi lều”;*  + Vừa ăn uống, vừa nói chuyện.... uổng rượu bằng bát: *“Chú Võ Tòng rót rượu ra bát, uống một ngụm, trao bát sang cho tía nuôi tôi và nói”.*  + Sử dụng cung, nỏ. |
| **5. Nhận xét chung về con người, mảnh đất Phương Nam** | * Thiên nhiên Nam Bộ trù phú, mang nét hoang sơ. * Con người chất phác, giàu tình cảm, chân thành, gan dạ, trượng nghĩa. |

### HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

* + Hoàn thiện các nội dung của tiết học;
  + Đọc trước theo HD của SGK bài *Buổi học cuối cùng* của Đô-đê.